

Chương 9

cuu duong than cong . com

**Kiểm toán kết quả kinh doanh và
phân phối kết quả kinh doanh**

cuu duong than cong . com

Tóm tắt nội dung

1. **Khởi niệm và nội dung của kế hoạch kinh doanh**
2. **Yếu cấu và nhiệm vụ kế toán kế hoạch kinh doanh**
3. **Kế toán xác định kế hoạch kinh doanh**
 1. Kế toán CF bên hàng và QLDN
 2. Kế toán CF và TN TC
 3. Kế toán CF và TN khác
4. **Kế toán phân phối kế hoạch kinh doanh**

1 Khỹ niệm và nĩ dung

Kết quả kinh doanh là *phĩn chĩnh lĩch* giữa tổng **doanh thu** và tổng **chĩ phĩ** của các hoạt động kinh doanh đã đĩc thực hiện trong một thời kỳ nhất định. Nếu doanh thu lớn hơn chĩ phĩ thì doanh nghiệp có lợi nhuận nếu bằng hoặc nhỏ hơn thì doanh nghiệp hoà vốn hoặc lỗ vốn.

cuu duong than cong . com

1 Khỹ niệm và nĩ dung

- Kết quả kinh doanh bao gồm:
 - Kết quả hoạt động SXKD là kết quả của hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
 - Kết quả hoạt động tài chính
 - Kết quả hoạt động khác

Báo cáo Lãi Lỗ

- Tổng Doanh thu
- Cực khoản giảm trừ doanh thu
- Doanh thu thuần
- Giảm vốn hàng bán
- Lãi nhuận gộp vũ BH và CCDv
- Doanh thu H tài chính
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Lãi nhuận thuần t H KD

Báo cáo Lãi Lỗ

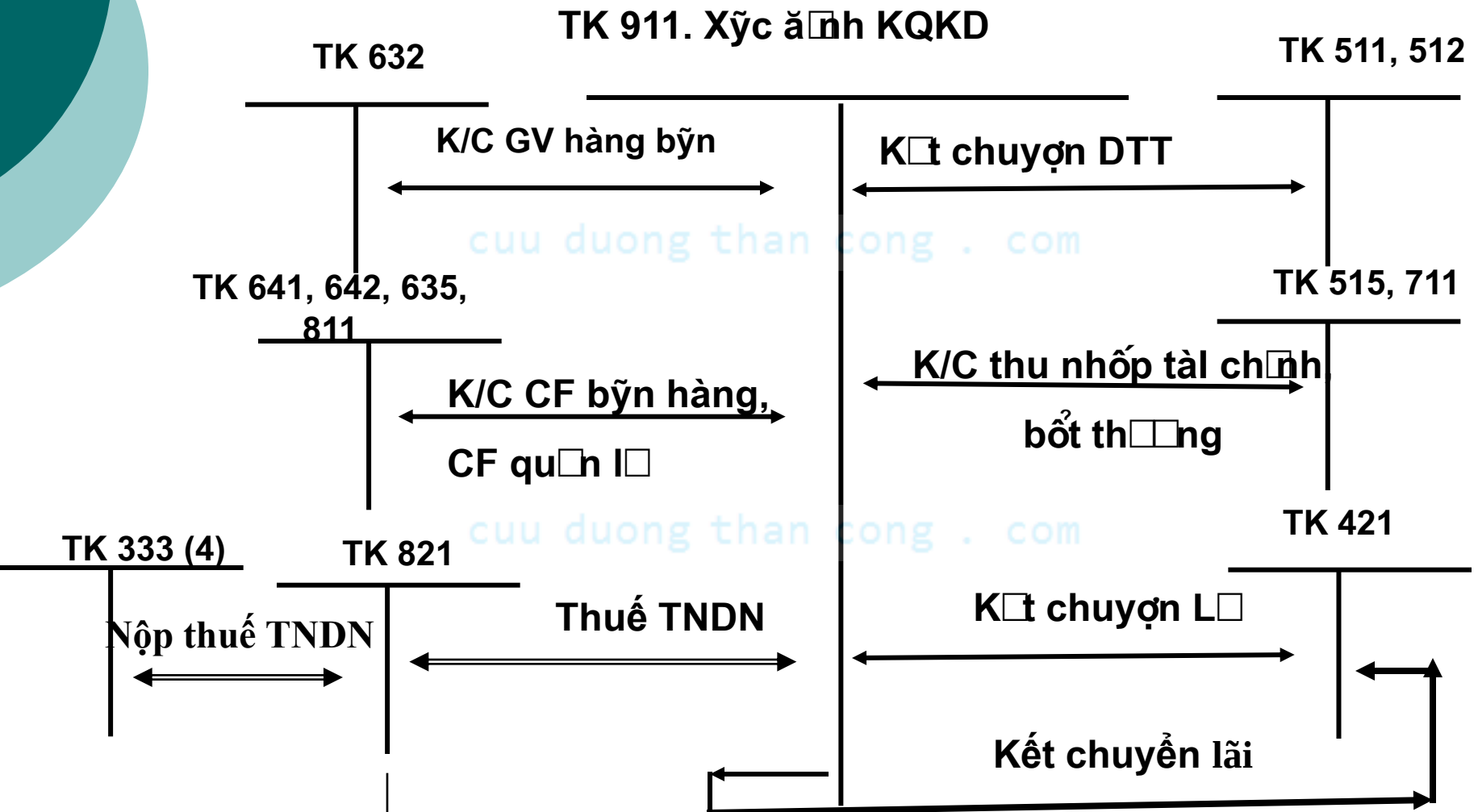
- Lãi nhuận thu h t H KD
- Thu nhập khỹc
- Chi phĩ khỹc
- Tĩng lĩi nhuận trĩĩc thuĩ
- Thuĩ thu nhập DN phĩ nĩp
- Lĩi nhuận sau thuĩ

2. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán

- Ghi chép, phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, chi phí, từ đó tính toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác khác.
- Cung cấp đầy đủ kịp thời cho ng- ời quản lý những thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh để tiến hành phân tích hoạt động kinh tế và đề ra những quyết định trong kỳ kinh doanh tới.

cuu duong than cong . com

Xác định kết quả kinh doanh



3. Khoản CFBH và CF QLDN

- **Chi phí bán hàng** là toàn bộ những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến quá trình tổ chức bán hàng hoá, sản phẩm dịch vụ
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là toàn bộ các chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác liên quan đến toàn doanh nghiệp.

Kiểm toán Chi phí bán hàng

Các yếu tố của Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vận tải lưu, bao bì
- Chi phí công cụ, ăn uống
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí báo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Khoản Chi phí hàng

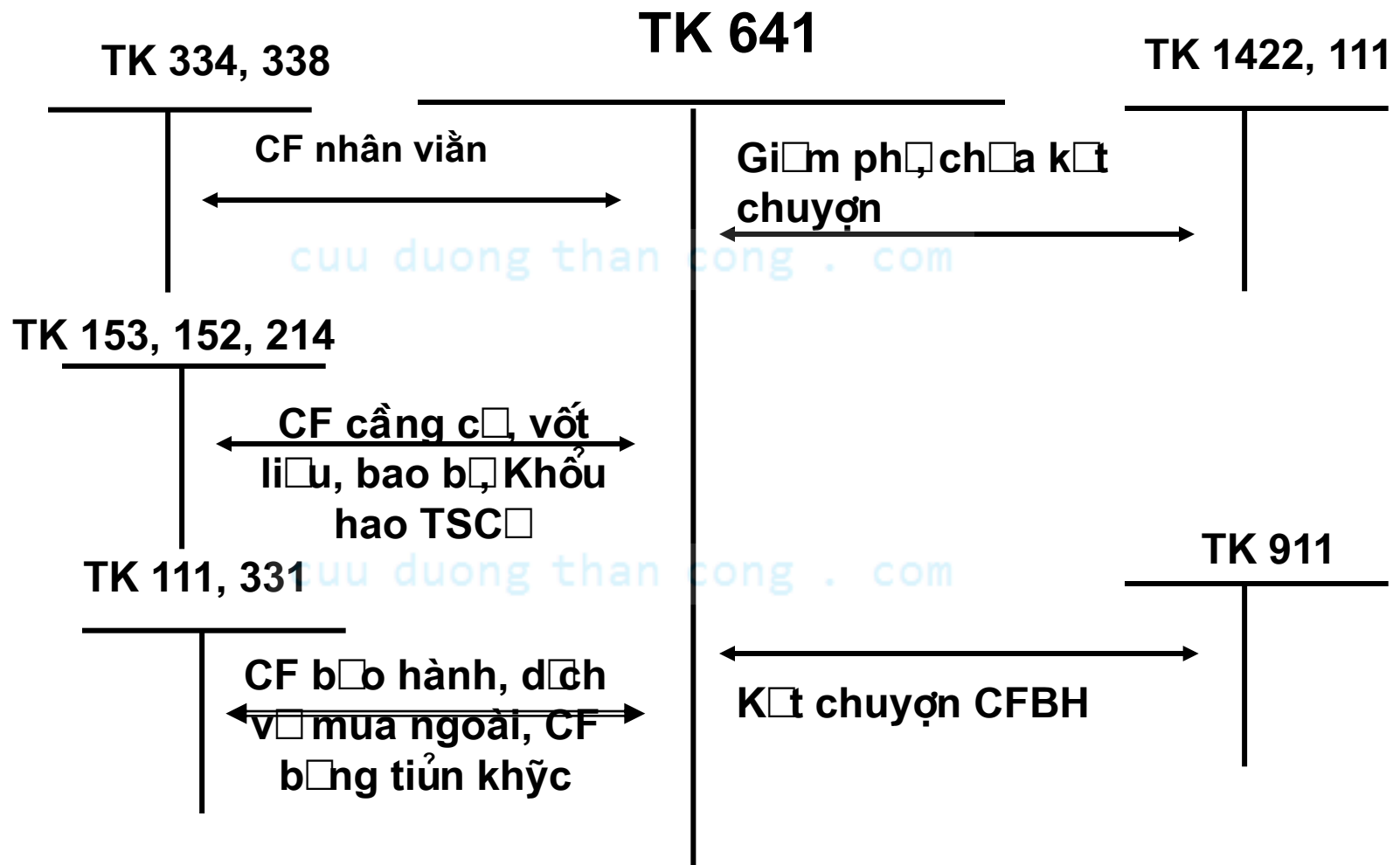
Tài khoản sử dụng

641 “Chi phí bán hàng”

Chi phí phát
sinh trong kỳ

Kết chuyển chi phí
sang TK x/đ KQ

Kế toán Chi phí bán hàng



Kế toán Chi phí QLDN

Cycle yêu cầu của Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí ăn ở, đi lại và phương tiện
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thu, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Kiểm toán Chi phí hàng

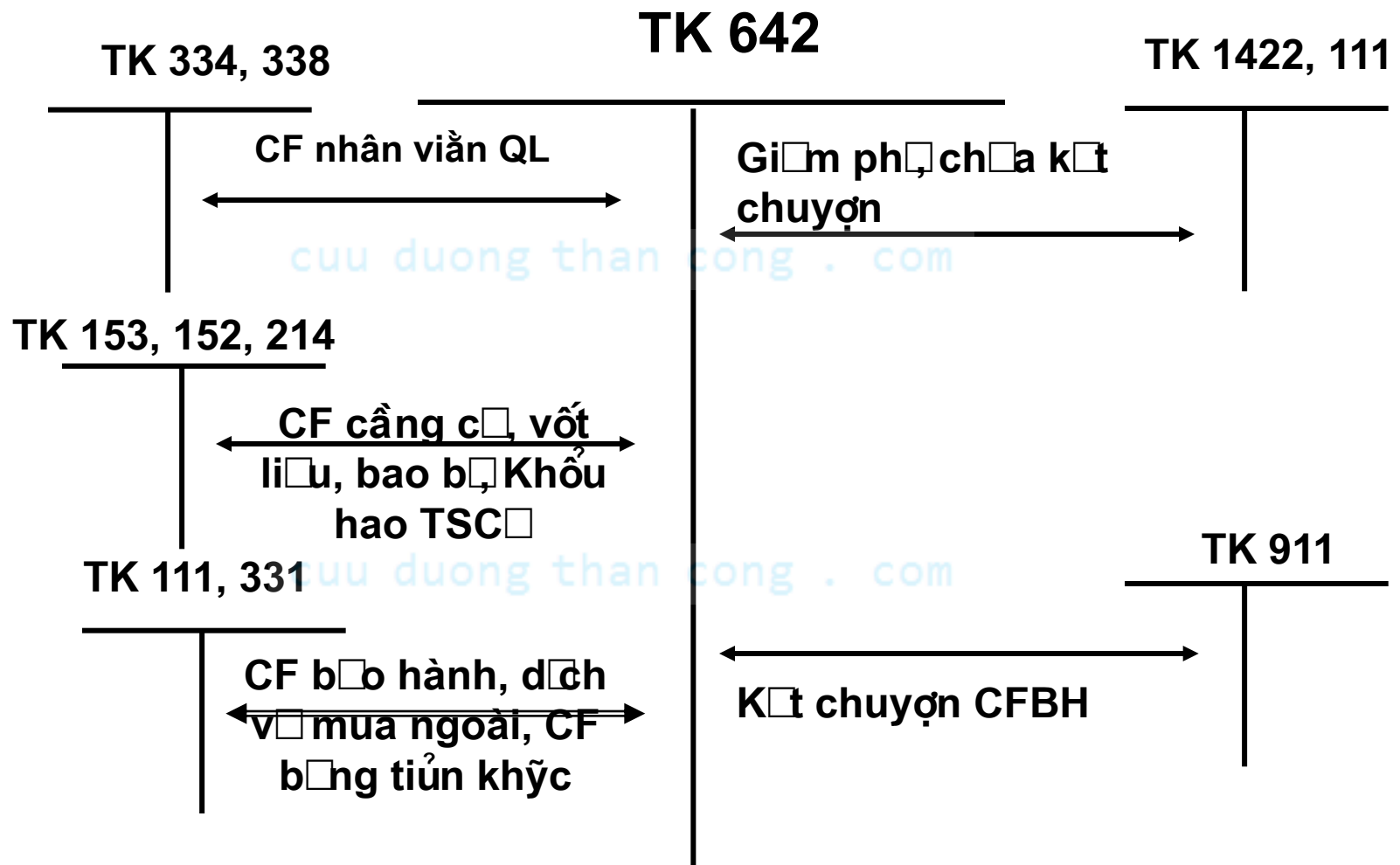
Tài khoản sử dụng

642 “Chi phí QLDN”

Chi phí phát
sinh trong kỳ

Kết chuyển chi phí
sang TK x/đ KQ

Kế toán Chi phí bán hàng



Kế toán xác định KQ hoạt động Tài chính

- Hoạt động TC là hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý phân phối và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kết quả các hoạt động đầu t- tài chính là kết quả đ- ợc hình thành từ các nghiệp vụ đầu t- chứng khoán, góp vốn liên doanh, kinh doanh bất động sản, cho vay vốn v. v..

Thu nhập hoạt động TC

- Lãi do mua bán chứng khoán
- Lợi tức cổ phần, lãi trái phiếu, tín phiếu
- Thu nhập cho thuê TSCĐ tài chính
- Thu lãi cho vay vốn
- Thu nhập do bán bất động sản
- Thu nhập đ- ợc chia từ hoạt động tham gia liên doanh
- Lãi mua bán ngoại tệ

Chi phí hoạt động TC

- Lỗ do mua bán chứng khoán
- Chi phí cho các hoạt động đầu t- chứng khoán
- Lỗ do hoạt động liên doanh
- Chi phí hoạt động đầu t- tài chính khác
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu t-
- Chiết khấu thanh toán cho ng- ời mua

Kế toán TN và CF tài chính

Tài khoản sử dụng

515 “TNTC”

Kết chuyển
TN sang TK
x/d KQ

Thu nhập TC
phát sinh
trong kỳ

CFTC phát
sinh trong kỳ

Kết chuyển
CFTC sang
TK x/d KQ

635 “CFTC”

Kế toán TNTC

- **Khi phát sinh các khoản thu nhập tài sản không thanh khoản và thu nhập khác cần có vào chứng từ kế toán ghi:**

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 138 (1388) - Phải thu khác

Có TK 515 - Thu nhập hoạt động tài chính

Kế toán TNTC

- **Thu nhập do bán bất động sản lâu dài
chênh lệch và thu nhập khác:**

[cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)

Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Có TK 333 - Thuế GTGT phải nộp (3331)

Có TK 515 - Thu nhập hoạt động tài chính

[cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)

Kế toán TNTC

- **Hoàn nhập để phòng giảm giá đầu tư:**
Nợ TK 129 - Dự phòng giảm giá đầu tư - NH
Nợ TK 229 - Dự phòng giảm giá đầu tư - DH
 Có TK 515 - Thu nhập hoạt động tài chính
- **Kết chuyển thu nhập thuần hoạt động tài chính, kế toán ghi:**
Nợ TK 515 - Thu nhập hoạt động tài chính
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Kế toán CFTC

- **Khi phát sinh các khoản CFTC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 111 - Tiền mặt
 Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
- **Khi thanh lý trả hao vốn của TSCĐ cho thuê tài chính và ghi vốn của bất động sản bất biến:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 228 - Đầu tư dài hạn khác

Kế toán CFTC

- **Phýt sinh khoản lợ vủ hoả ảảng TC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 222 - Góp vốn liên doanh
 Có TK 121,221 - Đầu t- CKNH, DH
 Có TK 228 - Đầu t- dài hạn khác
- **Khi trỏch lổp dỏ phĐng giỏm giỷ ảỏu tỏ TC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 129 - Dự phòng giảm giá Đt- NH
 Có TK 229 - Dự phòng giảm giá ĐTDH

Kế toán CFTC

- **Kế chuyển chi phí hoạt động tài chính**
Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
Có TK 635 - Chi phí tài chính

Kế toán xác định KQ hoạt động khác

- **Hoạt động khác** là những hoạt động còn lại mà doanh nghiệp tiến hành chia sẻ vào 2 hoạt động ở trên. (thông thường là từ các nghiệp vụ không thông thường xuyên ở doanh nghiệp, nằm ngoài dự tính của doanh nghiệp)
- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu và chi khác phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác

- Thu do nh- ợng bán, thanh lý TSCĐ, bán phế liệu
- Thu các khoản đ- ợc phạt được bồi th- ờng
- Thu về các khoản nợ vắng chủ
- Tài sản thừa...
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn kho và phải thu khó đòi

Chi phí hoạt động khác

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán.
- Các khoản bị phạt, bị bồi thường.
- Các khoản chi phí khác khác.

Kế toán TN và CF khác

Tài khoản sử dụng 711 “TN khác”

Kết chuyển
TN sang TK
x/d KQ

Thu nhập TC
phát sinh
trong kỳ

CFTC phát
sinh trong kỳ

811 “CF khác”

Kết chuyển
CFTC sang
TK x/d KQ

Khoản TN kỹc

- **Khi phứt sinh cỷc kho□n thu vủ nh□□ng bỷn, thanh l□ TSC□, k□toỷn ghi:**
Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt , TGNH
Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng
 Có TK 333 - Thuế GTGT phải nộp (3331)
 Có TK 711 - Thu nhập khác
- **Cỷc kho□n n□ khẩng xỷc ấ□nh ấ□□c ch□ n□, x□ l□ ghi vào thu nhốp khỷc.**
Nợ TK 331 - Phải trả ng- ời bán
Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác
 Có TK 711 - Thu nhập khác

Kế toán TN khác

- Các khoản giảm trừ, kế toán ghi:
Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt
Nợ TK 333 - Thuế, phí, lệ phí
Có TK 711 - Thu nhập khác
- Các khoản nợ khác đi để thu hồi:
Nợ TK 111 - Tiền mặt
Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
Có TK 711 - Thu nhập khác

Kế toán TN khác

- **Tài sản dư thừa không rõ nguyên nhân,**
Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
Nợ TK 156 - Hàng hoá
Nợ TK 338 - Phải trả khác (3381)
 Có TK 711 - Thu nhập khác
- **Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn kho và phải thu khó đòi:**
Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi
Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá tồn kho
 Có TK 711 - Thu nhập khác

Kế toán TN khác

- **Cyclic khoản giảm phát, giảm bớt thông, kế toán ghi:**
Nợ TK 111 - Tiền mặt
Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
Nợ TK 138 - Phải thu khác
 Có TK 711 - Thu nhập khác
- **Kết chuyển thu nhập hoạt động khác, kế toán ghi:**
Nợ TK 711 - Thu nhập khác
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Kế toán CF khếch

- **Trợng hợp thanh l hoặc nhợng bỷn TSC:**
Nợ TK 811 - Chi phí khác
 Có TK 211 - TSCĐ hữu hình
 Có TK 213 - TSCĐ vô hình
- **Xl tài kho h thi u khằng xỷ ănh ăc
nguyên nhâ quy t ănh xl ghi vào chi ph
khếch:**
Nợ TK 811 - Chi phí khác
 Có TK 138 - Phải thu khác (1381)

4. Kĩ thuật phân phối kết quả

Khái niệm

- Phân phối lợi nhuận là việc phân chia kết quả tài chính để thoả mãn lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan.
- Việc phân phối lợi nhuận phải tuân thủ theo quy chế tài chính hiện hành và theo kế hoạch phân phối của từng doanh nghiệp.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

- Nội dung phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bao gồm:
 - Nộp thuế thu nhập cho ngân sách theo luật định.
 - Nộp thu sử dụng vốn (đối với doanh nghiệp Nhà nước)
 - Chia lãi cho chủ đầu tư, người góp vốn, cổ đông
 - Trích lập các quỹ doanh nghiệp: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phúc lợi, khen thưởng v. v...
 - Bổ sung vốn kinh doanh, vốn đầu tư xây dựng cơ bản
 - Nộp quỹ quản lý của cấp trên...

Kiểm toán phân phối thu nhập

Tài khoản sử dụng

421 “Lãi chia phân phối”

Lãi của hoạt động KD
Phân phối lãi nhuận

Lãi của HĐ SXKD
Xí nghiệp hạch toán

Số dư Nợ: Số lãi chia
xí nghiệp

Số dư Có: Lãi nhuận chia
phân phối

Kế toán phân phối kết quả KD

- TK 421 có 2 TK cấp 2
- Việc phân phối lợi nhuận đ- ợc thực hiện theo 2 b- ớc:
 - B- ớc 1: Trong năm tạm phân phối (4212).
 - B- ớc 2: Hết năm tài chính, sau khi báo cáo tài chính năm đ- ợc duyệt, doanh nghiệp phân phối chính thức (4211)

Kế toán phân phối kết quả KD

- **Hàng tháng (quý) khi xác định số thu nhập nộp thuế, kế toán ghi:**
Nợ TK 4212 - Lợi nhuận ch- a phân phối
 Có TK 333 4- Thuế, phí, lệ phí phải nộp
- **Khi tạm chia lợi nhuận cho các chủ đầu tư, các bản liễn doanh kế toán ghi:**
Nợ TK 4212 - Lợi nhuận ch- a phân phối
 Có TK 111 - Tiền mặt
 Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
 Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

Kế toán phân phối kết quả KD

- **Khi tính trích lỗc cỹc quĩ doanh nghiĩp:**

Nợ TK 421 - Lợi nhuận ch- a phân phối (4212)

Có TK 414 - Quỹ đầu t- phát triển

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 431 - Quỹ khen th- ỡng- phúc lợi

cuu duong than cong . com

Kế toán phân phối kết quả KD

- **Khi bỹo cỹo quyđt toỹn ấđc duyđt, kế toán chuyển sđ:**

Nợ TK 4212 - LN ch- a phân phối năm nay

Có TK 4211 - LN ch- a phân phối năm tr- ớc

- **Nđu phđi nđp thẳm thuđ TN:**

Nợ TK 4211 - Lợi nhuận ch- a phân phối

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kế toán phân phối kết quả KD

- **Nếu số thu nhập nộp quỹ, hạch tr vào sổ thu phí nộp của năm sau:**

Nợ TK 3334 - Thuế, phí, lệ phí

Có TK 4211 - LN ch- a phân phối

- **Nếu trích tiếp quỹ:**

Nợ TK 4211 - Lợi nhuận ch- a phân phối

Có TK 414 - Quỹ đầu tư - phát triển

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Kế toán phân phối kết quả KD

Nợ trích quỹ, ăiửu chnh qu

Nợ TK 414, 415... Quỹ đầu t- phát triển, ...

Có TK 421 - Lợi nhuận ch- a phân phối

- **Dng lĩ nhuốn b sung vñ ăâu t XDCB:**

Nợ TK 421 - Lợi nhuận ch- a phân phối (4211)

Có TK 441 - Vốn đầu t- xây dựng cơ bản

KẾT THÚC CHƯƠNG 9

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com